

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Nguyễn Thế Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 29/5/2020, quá trình làm việc và lời trình bày tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn bà Vũ Thị L thể hiện:**

Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, bất đồng

quan điểm và không có hạnh phúc nên bà L quyết định làm đơn ly hôn với ông T. Quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 19/02/2005. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu được hưởng toàn bộ căn nhà cấp 4 có diện tích 90m² trên phần đất có diện tích 624m², thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương do bà Vũ Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trị giá khoảng 250.000.000 đồng. Bà L không tranh chấp đối với quyền sử dụng đất. Đối với tài sản gồm 01 sổ tiết kiệm với số tiền 200.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng xã T và 01 chiếc xe ba gác biển số 61L6-3338, không có giấy đăng ký xe, trị giá khoảng 40.000.000 đồng thì bà L đồng ý giao cho ông T sở hữu. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 30/7/2020 và tại phiên tòa ngày hôm nay, bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 30/7/2020, quá trình làm việc và lời trình bày tranh tụng tại phiên tòa của bị đơn ông Trần Văn T thể hiện:**

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về quá trình chung sống, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L thì ông T đồng ý vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình chung sống ông T và bà L có 01 con chung tên Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 19/02/2005. Ông T đồng ý giao con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với ý kiến của bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 30/7/2020, quá trình làm việc ý kiến của con chung tên Vũ Thị Ngọc T thể hiện:** Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được chung sống với mẹ là Vũ Thị L.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:** Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Về nội dung: Không công nhận bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T là vợ chồng, giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; đình chỉ xét xử phần tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, luôn bất đồng quan điểm. Vì vậy, bà L làm đơn xin ly hôn và ông T đồng ý. Tuy hai bên thống nhất ly hôn nhưng cả hai không có đăng ký kết hôn khi chung sống với nhau là vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông T là vợ chồng.

[2.1] Về con chung: Quá trình chung sống, giữa bà L và ông T có 01 con chung tên Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 19/02/2005. Bà L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang được bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho ăn học đầy đủ. Ông T đồng ý giao con chung cho bà L. Đây là sự tự nguyện của ông T phù hợp với ý chí của con chung có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà L. Do đó, để tránh làm đảo lộn ảnh hưởng đến đời sống của cháu T nên cần tiếp tục giao cháu T cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà L yêu cầu được hưởng toàn bộ căn nhà cấp 4 có diện tích 90m² trên phần đất có diện tích 624m², thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương do bà Vũ Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với tài sản gồm 01 sổ tiết kiệm với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tại Quỹ tín dụng xã T và 01 chiếc xe ba gác biển số 61L6-3338, không có giấy đăng ký xe thì bà L đồng ý giao cho ông T sở hữu. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 30/7/2020 và tại phiên tòa, bà L tự nguyện rút yêu cầu này nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của đương sự đã rút.

[2.3] Về nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà L là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà L thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Vũ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 19/02/2005. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị L về việc không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L đối với ông Trần Văn T về tài sản là căn nhà cấp 4 có diện tích 90m² trên phần đất có diện tích 624m², thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tại Quỹ tín dụng xã Thanh Tuyền và 01 chiếc xe ba gác biển số 61L6-3338, không có giấy đăng ký xe.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Vũ Thị L được miễn nộp án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phan Xuân Nam**